



**NHẬN XÉT TÌNH HÌNH ĐỂ SONG THAI  
TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG  
SÁU THÁNG CUỐI NĂM 2015**

*Nguyễn Thị Lan Hương  
Nguyễn Thanh Phong*

# ĐẶT VẤN ĐỀ

- Song thai là thai nghén có nguy cơ cao, gây hậu quả xấu cho sản phụ và thai, nhất là sinh non.

Shaaf JM và cs (2011): 50% song thai đẻ non, 20% đẻ trước 28 tuần.

- Y học hiện đại phát triển, áp dụng các biện pháp hỗ trợ sinh sản tiên tiến, tỷ lệ song thai tăng rõ rệt.

- Xử trí đẻ song thai có nhiều quan điểm khác nhau. Tỷ lệ mổ lấy thai ngày càng cao.

# MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1. Xác định tỷ lệ đẻ song thai tại BVPSTW trong sáu tháng cuối năm 2015.
2. Nhận xét một số đặc điểm, thái độ xử trí và kết quả đẻ song thai trong giai đoạn trên.

# ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

## *1. Tiêu chuẩn lựa chọn*

- Sản phụ song thai, tuổi thai  $\geq 23$  tuần, sinh con tại BVPSTW từ 01/07/2015 đến 31/12/2015.
- Hồ sơ bệnh án có đủ các thông tin cần thiết theo yêu cầu của nghiên cứu.

## *2. Tiêu chuẩn loại trừ*

- Thiếu các dữ liệu cơ bản trong hồ sơ nghiên cứu.
- Sản phụ sinh tại nơi khác, chuyển đến bệnh viện trong cùng khoảng thời gian nghiên cứu.

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu mô tả cắt ngang bằng phương pháp hồi cứu số liệu trên hồ sơ bệnh án đã có.
- Cách chọn mẫu:
  - + Lấy toàn bộ bệnh án của các sản phụ đẻ song thai tại BVPSTW, tuổi thai  $\geq 23$  tuần, từ ngày 01/07/2015 đến 31/12/2015.
  - + Tổng số: 618 trường hợp.
- Phân tích và xử lý số liệu:  
Phần mềm SPSS 16.0.

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Có 618 trường hợp đẻ song thai: Mổ LT: 504. Đẻ đường ÂĐ: 114

**Bảng 1. Tỷ lệ đẻ song thai**

Đặc điểm	Tỷ lệ (%)
Tỷ lệ đẻ song thai/ Tổng số đẻ (TS đẻ 6 tháng cuối năm 2015: 10839)	5,7
Tỷ lệ đẻ song thai bằng PP mổ/ Tổng số mổ lấy thai (TS mổ lấy thai 6 tháng cuối năm 2015: 5931)	8,5
Tỷ lệ đẻ song thai bằng đường ÂĐ/ Tổng số đẻ đường ÂĐ (TS đẻ đường ÂĐ 6 tháng cuối năm 2015:4908)	2,3

*N.M.Nguyệt: 1,27% (1996-1997); 1,87% (2006-2007);*

*N.T.B.Vân (1999): 1,19%; N.T.Hạnh (2003-2004): 1,79%;*

*N.T.K.Oanh (2004-2006): 1,88%.*

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

*Bảng 2a. Một số đặc điểm của đối tượng NC*

Đặc điểm		Số lượng (n=116)	Tỷ lệ (%)
Tuổi sản phụ (tuổi)	< 20	10	1,6
	20 – 24	86	13,9
	25 – 29	220	35,6
	30 – 34	209	33,8
	≥ 35	93	15,0
Nơi ở	Hà Nội	310	50,2
	Tỉnh khác	308	49,8
Nghề nghiệp	Nông dân	46	7,4
	Công nhân	63	10,2
	Cán bộ công chức	193	31,2
	Tự do	316	51,1

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

*Bảng 2b. Một số đặc điểm của đối tượng NC*

Đặc điểm		Số lượng (n=116)	Tỷ lệ (%)
Số lần đẻ	0	375	60,7
	1	196	31,7
	≥ 2	47	7,6
Tuổi thai (tuần)	23 – 27	54	8,7
	28 – 32	65	10,5
	33-37	292	47,2
	> 37	207	33,5

- N.M.Nguyệt: đẻ song thai 33-37 tuần: 47,9% (1996-1997)

43,1% (2006-2007).

- Tỷ lệ đẻ non: 66,5%. Martin (2011): 57,3%, tăng 5,7 lần so với đơn thai.



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

*Bảng 3. Phân bố cách đẻ song thai*

Cách đẻ	Thai 1 (n=618)		Thai 2 (n= 618)	
	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)
Đẻ thường	113	18,2	114	18,4
Đẻ Foocxep	1	0,2	0	0
Mổ lấy thai	504	81,6	504	<b>81,6</b>
Tổng số	618	100	618	100

$p < 0,05$ .

*Tỷ lệ mổ lấy thai:- N.M.Nguyệt: 35,4% (1996-1997); 67,7% (2006-2007).*

*- N.T.Hạnh (2003-2004): thai 1:47,3%; thai 2: 47,9%.*

*- N.T.K.Oanh (2004-2006): thai 1:46,8%; thai 2: 47%.*

*- Yalcin và cs (1998): 52,8%.*

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

***Bảng 4. Tỷ lệ các ngôi thai trong đẻ song thai***

<b>Ngôi thai</b>	<b>Số lượng (n=116)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Đầu – Đầu	213	34,5
Đầu – Mông	212	34,3
Đầu – Vai	83	13,4
Mông – Mông	42	6,8
Mông – Đầu	26	4,2
Mông – Vai	24	3,9
Vai – Mông	12	1,9
Vai – Đầu	1	0,2
Vai – Vai	5	0,8
Tổng số	618	100

*N.M.Nguyệt, N.T.B.Vân, N.T.Hạnh: tỷ lệ ngôi đầu - đầu: 47,9%; 47,2%; 53,1%;  
tỷ lệ ngôi đầu - mông: 30,1%; 31,2%; 15,0%.*

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 5a. Các chỉ định mổ lấy thai trong đẻ song thai**

	Chỉ định mổ lấy thai		Số lượng (n = 504)	Tỷ lệ (%)
1	Chỉ định do mẹ	Bệnh lý của mẹ	97	19,2
		Sẹo mổ cũ	74	14,7
		Thụ tinh trong ống nghiệm	215	42,7
		CTC không tiến triển	02	0,4
		Khung chậu hẹp	01	0,2
		Vô sinh + Lý do khác	30	5,9
		IUI	46	9,1
		Mẹ lớn tuổi	05	0,9

$p < 0,05$

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

*Bảng 5b. Các chỉ định mổ lấy thai trong đẻ song thai*

TT	Chỉ định mổ lấy thai	Số lượng (n = 504)	Tỷ lệ (%)	
2	Chỉ định do thai	Ngôi bất thường	44	8,7
		Thai to	11	2,3
		Thai suy	09	1,8
		Đầu không lọt	01	0,2
		Hội chứng truyền máu	10	1,9
		Thai kém phát triển	04	0,8
3	Chỉ định do phần phụ của thai	<b>Ới vỡ sớm, ối vỡ non</b>	<b>120</b>	<b>23,8</b>
		Thiếu ối	01	0,2
		Rau tiền đạo	04	0,8
		Rau bong non	02	0,4
		Sa dây rau	03	0,6

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 5c. Các chỉ định mổ lấy thai trong đẻ song thai**

TT	Chỉ định mổ lấy thai		Số lượng (n = 504)	Tỷ lệ (%)
4	Chỉ định do nguyên nhân xã hội	Xin mổ	02	0,4
		Mổ lấy thai + Triệt sản	05	0,9
		Tiền sử sản khoa nặng nề	02	0,4

$p < 0,05$

- *CD mổ lấy thai do NN TTTON: 42,7%, ối vỡ sớm-ối vỡ non: 23,8%, bệnh lý của mẹ: 19,2%.*

- *N.M.Nguyệt, N.T.Hạnh, N.T.K.Oanh: CD mổ lấy thai thường gặp nhất do NN bệnh lý mẹ (19%; 24,6%; 21,6%).*

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 6. Cách dự phòng và xử trí biến chứng chảy máu sau đẻ, mổ lấy thai**

Cách dự phòng và xử trí biến chứng		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đẻ đường ÂĐ (n=114)	KSTC	104	91,2
	Bóc rau + KSTC	3	2,6
	Cắt TCBP	1	1,0
Mổ lấy thai (n=504)	Thắt ĐM TC	16	3,2
	Khâu mũi B-Lynch	1	0,2
	Cắt TC	0	0,0

- Đẻ đường ÂĐ: N.M.Nguyệt, N.T.Hạnh, N.T.K.Oanh: KSTC >85%.

- MLT + thắt ĐMTC: N.T.Hạnh: 3,3%; N.M.Nguyệt: 0%; N.T.K.Oanh: 2,2%.

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 7. Trọng lượng thai trong đẻ song thai**

Trọng lượng (gam)	Thai 1 (n=618)		Thai 2 (n=618)		Tổng số (n=1236)	
	n	%	n	%	n	%
<1000	52	8,4	54	8,7	104	8,4
1000 - <1500	46	7,4	53	8,6	99	8,0
1500 - <2000	97	15,7	104	16,8	201	16,3
2000 - < 2500	215	34,8	204	33,0	419	33,9
2500 - <3000	179	29,0	179	29,0	358	28,9
≥ 3000	29	4,7	24	3,9	53	4,3
Trọng lượng TB	2099 ± 649,8		2074 ± 655,4		2086 ± 652,5	

$p < 0,05$

*Thai < 2500g: 66,8%. N.T.K.Oanh: 66,2%; Yalcin: 69%.*

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 8. Liên quan giữa tuổi thai và tử vong sơ sinh**

Tuổi thai	Số trẻ sơ sinh	Số trẻ sơ sinh tử vong	
		n	%
23 – 27	108	77	71,3
28 – 32	129	14	10,6
33 – 37	574	16	2,8
> 37	411	2	0,5
<b>Tổng số</b>	1222	109	<b>8,9</b>

- Tỷ lệ tử vong sơ sinh: 8,9%. N.T.K.Oanh (2006):15,5%.

- TV SS 23-27 tuần: 71,3%.

- TV SS 28-32 tuần: 10,6%. N.T.K.Oanh (2006): 46,2%.

N.M.Nguyệt: 1996-1997:50%; 2006-2007: 24,4%;



# KẾT LUẬN

1. Tỷ lệ đẻ song thai cao (5,7%), gặp nhiều ở song thai non tháng (66,5%).
2. Tỷ lệ mổ lấy thai cao (81,6%), chỉ định mổ nhiều nhất ở thai TTTON (42,7%).
3. Tỷ lệ trẻ tử vong cao (8,9%). Không có tai biến nghiêm trọng cho mẹ.



***Trân trọng cảm ơn!***